

I. Khái quát chung về chế giải quyết tranh chấp trên biển theo Công Ước Luật biển 1982

Việc giải quyết tranh chấp trên biển trong Luật quốc tế hiện đại chủ yếu dựa trên các quy định của Công Ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS 1982), có hiệu lực từ ngày 16/11/1994. Công Ước luật biển năm 1982 vừa là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng hỗ trợ các quốc gia trong việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở biển, vừa là công cụ hữu hiệu để các quốc gia giải quyết các tranh chấp phát sinh ở biển.

Văn đề giải quyết tranh chấp về biển được quy định tại phần XV, từ điều 279 đến điều 299 của Công Ước và các bản phụ lục có liên quan, bao gồm các vấn đề cơ bản như: nguyên tắc giải quyết tranh chấp; trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp; trình tự, thủ tục hòa giải (Phần I của V); tố tụng, thẩm quyền, và thủ tục tố tụng của Tòa án Quốc tế về Luật biển (Phần I của VI); thẩm quyền, thủ tục và giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, (Phần I của VII); và việc giải quyết tranh chấp bằng tòa án trọng tài đặc biệt (Phần I của VIII), v.v...

Việc đưa vào UNCLOS 1982 các điều khoản bắt buộc về giải quyết các tranh chấp ở biển được coi là một bước tiến lớn của luật quốc tế nói chung và của Công Ước Luật biển năm 1982. (Khác với Công Ước Geneve 1958, khi mà các điều khoản về giải quyết tranh chấp chủ yếu ghi nhận trong một Nghị định thư không bắt buộc và Nghị định thư này đã không được nhiều nước phê chuẩn). Điều này đã phản ánh đúng xu thế của thời đại, thể hiện ý nguyện của các quốc gia có biển cũng như không có biển và đã được nhiều đoàn đại biểu tham gia Hội nghị của Liên Hợp quốc về biển từ 1973-1982 chấp nhận rộng rãi, kể cả các đoàn đại biểu của các nước xã hội chủ nghĩa mà trước đó đã kiên quyết phản đối khái niệm về thẩm quyền phán quyết của tòa án quốc tế, vì nếu không có các điều khoản về giải quyết tranh chấp thì sẽ toàn văn của văn bản cuối cùng sẽ bị mất giá trị

[\[1\]](#)

Nguyên tắc nền tảng, được dùng làm cơ sở cho việc giải quyết tranh chấp theo Công Ước 1982, là: “ Các quốc gia thành viên giải quyết mọi tranh chấp trong việc giải thích hay áp dụng Công Ước bằng các phương pháp hòa bình theo đúng điều 2, khoản 3 của Hiến chương Liên hợp quốc ” và, vì mục đích này, cần phải tìm ra giải

pháp bằng các phương pháp đã được nêu ở điều 33, khoản 1 của Hiến chương” (đ. 279). Như vậy, các bên có thể tán thành bất cứ một cách thực tiễn giải quyết tranh chấp nào mà họ lựa chọn. Không một quy định nào của Công ước như hướng dẫn quy định của các quốc gia áp dụng bất cứ lúc nào, bằng bất kỳ phương pháp hoà bình nào theo sự lựa chọn của mình một vụ tranh chấp xảy ra giữa họ (đ. 280). Và :“

Khi có một tranh chấp xảy ra giữa các quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước, các bên tranh chấp tiến hành ngay một cuộc trao đổi quan điểm về cách giải quyết tranh chấp bằng thông lượng hay bằng các phương pháp hoà bình khác ...” (đ. 283).

Tại Phụ lục V của Công ước đã trừ tính đơn vị thành lập một uỷ ban hoà giải với chức năng “nghe ý kiến của các bên, xem xét các yếu sách và các ý kiến phản bác của họ, và đưa ra những đề xuất cho các bên với ý định muốn đạt được một sự hoà giải” [2]. Những người hoà giải có thể làm một báo cáo không bắt buộc đối với các bên. Nếu không đạt được một giải pháp nào thì sẽ phải áp dụng các thủ tục bắt buộc đơn đơn những kết luận bắt buộc. Các bên tranh chấp có thể tuyên bố bằng văn bản chấp nhận quy định tài phán của một trong các tòa án sau: Tòa án quốc tế và luật biển, Tòa án quốc tế, một tòa trưng tài thông thường hoặc tòa án trưng tài đặc biệt được thành lập theo Phụ lục VIII dành cho các loại tranh chấp đã được định rõ trong Phụ lục này. Theo quy định tại điều 296 (Tính chất tài hữu và bắt buộc của các quy định), thì: các quy định do tòa án có thẩm quyền đưa ra là có tính chất tài hữu (chung thẩm), và tất cả các bên tranh chấp phải tuân theo. Các quy định về giải quyết tranh chấp của Công ước đòi hỏi tất cả các quốc gia tham gia hoặc phê chuẩn Công ước phải thực hiện, không được báo lưu một ý kiến nào. Tuy nhiên các quốc gia có thể lựa chọn cách thực riêng cho mình đối với việc giải quyết tranh chấp, hoặc có thể chấp nhận quy định bắt buộc của một tòa án nào đó và có quyền lựa chọn nhất định về tính chất và thành phần của tòa án.

Các điều khoản của Công ước chỉ có thể được áp dụng cho những cuộc tranh chấp có liên quan đến việc giải thích và áp dụng Công ước, không áp dụng cho những cuộc tranh chấp nảy sinh từ những tình huống riêng lẻ những có như hướng dẫn những vấn đề về biển. Ví dụ như vấn đề tranh chấp giữa Bồ Đào Nha và Ôxtrâyliá liên quan đến Đông Timor. Vấn đề tranh chấp được trình bày trước Tòa án Quốc tế là Hiệp ước Biên Timo, đã phân chia các nguồn tài nguyên biển giữa Ấnđônêxia và Ôxtrâyliá. Những cuộc tranh chấp thực sự là tranh chấp về việc chuyển giao quyền lực sau khi kết thúc chính quyền thực dân và về việc dùng văn kiện để phân nhận quyền tài phán của nhân dân Đông Timo.

Các điều khoản bắt buộc về giải quyết tranh chấp sẽ không được áp dụng cho tất cả mọi cuộc tranh chấp ngay cả giữa các bên tham gia Công ước được quy định tại điều 298: Những ngoại lệ không bắt buộc đối với việc áp dụng Mục 2 (Các thủ tục bắt buộc dẫn tới các quy định bắt buộc) nếu như khi ký kết, phê chuẩn tham gia Công ước, hoặc ở bất kỳ thời điểm nào sau đó, một quốc gia có thể tuyên bố bằng văn bản không chấp nhận các thủ tục giải quyết tranh chấp đã được trừ khỏi Mục 2, có liên quan đến một hay nhiều loại tranh chấp sau đây: các tranh chấp về việc giải thích hay áp dụng các điều 15 [3], 74 [4] và 83 [5] liên quan đến việc phân định ranh giới các vùng biển hay các vùng tranh chấp về các vùng hay danh nghĩa lịch sử, các tranh chấp liên quan đến các hoạt động trong công nghệ quân sự hoặc hành động nhằm bảo đảm việc tuân thủ pháp luật, các tranh chấp đã được đưa trình Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Chính vì những trường hợp ngoại lệ được chèn thêm vào những văn bản tranh chấp chính trị và nhất là đến sự cân bằng giữa quyền tài phán của quốc gia ven biển với quyền của các quốc gia khác, cho nên nhiều cuộc tranh chấp tiềm tàng có thể sẽ bùng nổ. Những trường hợp ngoại lệ này có thể là làm giảm phạm vi của các điều khoản giải quyết tranh chấp

[6]

Hội đồng các điều khoản giải quyết tranh chấp ở phần XV Công ước Luật biển năm 1982 là nhóm dữ liệu một loạt các cách thức giải quyết và từ đó tạo thuận lợi cho các nhà lập pháp giải quyết của các bên bằng cách này hay cách khác. Ngược lại cho rằng Phần XV có thể trở thành một mô hình cho các phương thức giải quyết tranh chấp trong các Hiệp ước đa phương khác và như chúng ta đã thấy, nó đã có một hiệu quả nhất định. Hiện nay trong khoa học pháp lý đang có một xu hướng về việc đưa ra các cách thức giải quyết tranh chấp trong quan hệ kinh tế thế giới mới, ngược lại thế giới mô tả các cách thức khác nhau theo một trật tự sắp xếp liên tiếp đi từ phi chính thức đến chính thức, từ thoả thuận đến bắt buộc. Các bên tranh chấp có thể thoả thuận từng bước các cách thức khác nhau, theo một trật tự từ đàm phán, hoà giải, trung tài cho đến tòa án. Song thời, tất cả các cách thức giải quyết tranh chấp quốc tế đều theo nguyên tắc thoả thuận, theo những cách thức mà các bên đã cam kết từ trước hoặc lựa chọn vào bất kỳ thời điểm nào. Thay vì một trật tự từ thấp tới cao, Phần XV của Công ước đã đưa ra một loạt các cách thức giải quyết

tranh chấp để cho các bên có thể lựa chọn một cách thích hợp cho từng hoàn cảnh và để chủ của việc tranh chấp.

Ưu tiên quan trọng nhất về giải quyết tranh chấp trong Công Ước là các điều khoản quy định các thủ tục bắt buộc đối với các quy định bắt buộc. Các quốc gia có thể chọn một hoặc nhiều biện pháp và thủ tục giải quyết bắt buộc như Tòa án quốc tế và luật biên, Tòa trọng tài để biệt dành cho các tranh chấp về lãnh vực nghề cá,

bèo và bèo

tên môi trường biên, nghiên cứu khoa học biên hoặc về hàng hải, v.v...

II. Các cơ quan giải quyết tranh chấp theo quy định của Công Ước Luật biên 1982

Theo quy định của Công Ước, các bên tranh chấp có thể lựa chọn một hoặc một số phương pháp hoà bình để giải quyết tranh chấp. Thông thường thì “ các bên đồng ý nhanh chóng tiến hành trao đổi ý kiến để giải quyết tranh chấp bằng phương pháp hoặc các biện pháp hoà bình khác” như đàm phán hoặc hoà giải. Nếu các bên tranh chấp không nhất trí đồng ý với nhau về cách thức giải quyết hoặc cách thức đó không dẫn đến một giải pháp cho cuộc tranh chấp thì họ có nghĩa vụ tiến hành các cuộc trao đổi về quan điểm

[7]

mà thông thường bằng biện pháp hoà giải. Nếu vẫn bất thành thì theo yêu cầu của một bên tranh chấp, họ buộc phải lựa chọn một trong bốn khả năng của thủ tục bắt buộc đối với các quy định bắt buộc (các biện pháp mang tính xét xử và có tính bắt buộc): Tòa án Công lý quốc tế; Tòa án quốc tế và luật biên; Một toà trọng tài để biệt thành lập theo đúng Phụ lục VII của Công Ước; Một toà Trọng tài để biệt để giải

quyết các tranh chấp liên quan tới từng lãnh vực riêng biệt như nghiên cứu khoa học biên, đánh bắt hải sản, bèo và gìn giữ môi trường biên, giao thông biên...(Điều 287). Đây chính là những cơ quan theo quy định của Công Ước có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp biên.

1. Tòa án Công lý quốc tế

Toà án Công lý quốc tế là cơ quan xét xử chính của Liên hợp quốc. Toà án có chức năng giải quyết hoà bình trên cơ sở luật quốc tế, các tranh chấp pháp lý quốc tế phát sinh giữa các quốc gia trong các quan hệ quốc tế. Toà án giúp Liên hợp quốc dứt điểm một trong những nhiệm vụ cơ bản của mình là giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hoà bình phù hợp với các nguyên tắc của công lý và luật quốc tế.

Chỉ có các quốc gia mới có quyền kiện ra Toà để giải quyết các tranh chấp pháp lý giữa họ. Các thành viên của Liên hợp quốc là các quốc gia được quyền sử dụng cơ chế của Toà để giải quyết các tranh chấp pháp lý giữa họ. Quốc gia không phải là thành viên Liên hợp quốc cũng có thể yêu cầu Toà giúp đỡ với điều kiện trước đó họ phải chấp nhận Quy chế của Toà. Điều này chỉ dứt điểm khi quốc gia yêu cầu đáp ứng được các điều kiện do Hội đồng đặt ra trong tình huống hợp trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng Bảo an.

Thành phần của Toà bao gồm các thẩm phán, các phó thẩm và thư ký. Các thẩm phán được lựa chọn không cần căn cứ vào quốc tịch, trong số những nhân vật có phẩm chất đạo đức cao, đáp ứng các yêu cầu đưa ra ở nước họ để chỉ định giải quyết xét xử cao nhất, hoặc những luật gia có uy tín lớn trong lĩnh vực luật quốc tế, là những người hoạt động độc lập (Điều 2 Quy chế của Toà). Các thẩm phán phải được

bộ, Tòa gồm có 15 thẩm phán, trong đó không có hai người có cùng quốc tịch (Điều 3 Quy chế của Tòa).

Các thẩm phán có nhiệm kỳ 9 năm và có thể được bầu lại (riêng lần bầu cử đầu tiên có một phần ba số thẩm phán có nhiệm kỳ 3 năm và một phần ba số thẩm phán có nhiệm kỳ 6 năm). Các thẩm phán do Hội đồng và Hội đồng Bảo an bầu ra, trong số những người có tên trong danh sách đề nghị của các Tiểu ban Dân tộc của Tòa trọng tài thông trực (Điều 4 Quy chế của Tòa). Bộ cử được tiến hành ba năm một lần nhằm thay đổi một phần ba thành phần Tòa với mục đích không ngừng nâng cao hiệu quả của Tòa [\[8\]](#).

Các thành viên của Tòa trong khi thực hiện chức năng của mình đều được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao (Điều 19 Quy chế của Tòa).

- Thẩm phán ad hoc của Tòa

Thẩm phán ad hoc là thẩm phán do một hoặc các bên tranh chấp không có thẩm phán mang quốc tịch nước mình trong thành phần của Tòa đề cử. Các thẩm phán được lựa chọn không phụ thuộc vào quốc tịch. Theo quy định như vậy, sẽ có trọng hợp một trong các bên tranh chấp có thẩm phán mang quốc tịch nước mình trong thành phần của Tòa.

Thẩm phán ad hoc được lựa chọn ngoài danh sách các thẩm phán thường trực của Tòa. Những thẩm phán này cũng phải là những nhân vật có phẩm chất đạo đức cao, đáp ứng yêu cầu đưa ra những hướng dẫn chi tiết để xét xử cao nhất, hoặc là những luật gia có uy tín lớn trong lĩnh vực luật quốc tế.

- Các phụ thẩm của Tòa

Theo quy định tại điều 30, khoản 2 Quy chế và điều 9 Nội quy của Tòa cho phép Tòa có thể tự quyết hoặc theo yêu cầu của các bên đưa ra trước khi kết thúc thủ tục xét xử, các phụ thẩm tham gia vào các phiên họp của Tòa hay của các Tòa rút gọn của Tòa, nhưng không có quyền biểu quyết. Quy định này nhằm mục đích tranh thủ thêm sự đóng góp của các chuyên gia lớn trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của tòa.

- Thủ ký Tòa

Theo quy định tại khoản 2, điều 21 Quy chế của Tòa, Tòa án có thủ ký của mình và có thể áp dụng những biện pháp để các những người khác giữ trách nhiệm như vậy nếu thấy cần thiết. Ban thủ ký của Tòa là một cơ quan hành chính thường trực của Tòa và chịu phụ thuộc vào Tòa. Ban thủ ký là cơ quan đảm trách các dịch vụ tư pháp, là bên liên lạc giữa Tòa và các quốc gia có chế độ quy định, đồng thời cũng có nhiệm vụ thủ ký của một cơ quan thuộc thể chế quốc tế [\[9\]](#).

- Các tòa được biết của Tòa (Ban)

Thành phần của một phiên tòa xét xử thông thường gồm 15 thành viên (hợp toàn thể) của Tòa án, đôi khi là 9, 5 hoặc 3 thành viên. Quy định này phụ thuộc vào chức năng của Tòa có thể thành lập các tòa đặc thù như: Tòa rút ngắn trình tự tố tụng; Tòa đặc biệt; Tòa rút ngắn thành phần hay tòa ad hoc để giải quyết vụ việc.

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp là một trong những thẩm quyền chính của Tòa. Điều 33, khoản 1 của Quy chế quy định:

“Tòa có thẩm quyền tiến hành xét xử các vụ việc mà các bên đưa ra cũng như xét xử các vấn đề được nêu riêng trong Hiến chương Liên hợp quốc hoặc trong các hiệp ước, các công ước đang có hiệu lực”.

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa được thiết lập theo các phương thức sau:

- Chấp nhận thẩm quyền của Tòa theo từng vụ việc. Trong mọi trường hợp, các quốc gia tranh chấp sẽ ký một hiệp ước, được gọi là thoả thuận thành lập, để nhờ Tòa xem xét phân giải tranh chấp giữa họ. Trong thoả thuận này, các quốc gia nêu rõ để giải quyết tranh chấp, các câu hỏi cần giải quyết, phạm vi thẩm quyền của Tòa, phạm vi luật áp dụng. Từ những năm 1960 đến nay, các nước thường dùng hình thức thoả thuận thành lập để đưa các vụ tranh chấp có liên quan đến phân định thềm lục địa và biên giới ra trước Tòa. Ví dụ vụ Thềm lục địa Biển Bắc 1969, vụ Thềm lục địa Libi/Tuynidi năm 1982...

- Chấp nhận trước thẩm quyền của Tòa trong các điều ước quốc tế. Thẩm quyền bắt buộc của Tòa có thể được xác lập hoặc thông qua các điều khoản đặc biệt trong các hiệp ước song phương và đa phương thừa nhận trước thẩm quyền của Tòa. Thông thường, trong các hiệp ước và công ước song phương hoặc đa phương thường trừ định điều khoản đặc biệt, trong đó các bên thoả thuận trước, khi có xảy ra tranh chấp trong việc giải thích và thực hiện điều ước quốc tế, một bên có thể đưa tranh chấp ra trước Tòa.

- Tuyên bố đơn phương chấp nhận trước thẩm quyền của Tòa. Theo cách này, khi cả hai quốc gia tranh chấp đều có tuyên bố đơn phương chấp nhận trước thẩm quyền của Tòa và các tuyên bố này của họ đồng thời có cùng phạm vi hiệu lực đối với một tranh chấp nhất định thì có thể coi Tòa có thẩm quyền xét xử tranh chấp đó. Cách này cũng cho phép quốc gia có thể viện dẫn đơn sự giúp đỡ của Tòa để phân giải một tranh chấp với một quốc gia khác có cùng một lập trường đối với thẩm quyền của Tòa [10]. Các tuyên bố đơn phương hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của các quốc gia. Các quốc gia có toàn quyền tự do lựa chọn thời điểm, nội dung, điều kiện chấp nhận thẩm quyền bắt buộc của Tòa.

Theo quy định của Quy chế của Tòa, Quy chế của Tòa là cơ sở để Tòa xét xử. Trong quá trình xét xử Tòa áp dụng các quy định của pháp luật quốc tế thực định, trên cơ sở điều 38 Quy chế Tòa án.

Hoạt động chính của Tòa là thông qua thủ tục xét xử. Thủ tục xét xử một vụ tranh chấp trước Tòa được quy định chi tiết trong Quy chế của Tòa. Quá trình thủ lý gồm hai giai đoạn:

- Thủ tục viết, trong đó các quốc gia hoàn thành và trao đổi bằng văn bản và lập luận của từng bên và các lý lẽ luận tội hay bào chữa.

- Thủ tục nói (tranh tụng trước Tòa), Tòa sẽ nghe ý kiến của các bên, các luật sư và cố vấn trong phiên Tòa xét xử công khai.

Tuỳ theo từng trường hợp cụ thể, thủ tục xét xử của Tòa sẽ được tiến hành theo những bước sau:

Các bên nộp đơn kiến lên Tòa và cử đại diện liên lạc của mình

Tòa tiến hành các thủ tục bắt đầu cho thủ tục chính và xét xử nội dung:

+ Tòa sẽ xem xét, xác định thẩm quyền của mình trong từng vụ việc cụ thể được nêu.

+ Theo yêu cầu của các bên, trong trường hợp cần thiết Tòa có thể ra lệnh áp dụng những biện pháp bảo đảm tạm thời cần thiết để bảo vệ quyền của mỗi bên.

+ Hợp nhất các vụ án có mục tiêu tranh chấp chung

+ Khả năng xấp xỉ án vọng mặt

+ Tòa xem xét khả năng can dự vào vị trí tị bên thứ ba

Tòa xét xấp xỉ mặt nội dung của vị trí

Tòa ra quyết định cuối cùng phân giải tranh chấp [\[11\]](#).

2. *Toà án quốc tế và Luật biển*

Toà án quốc tế và Luật biển là cơ quan tài phán được thành lập trong khuôn khổ của Công ước Luật biển 1982, và có trụ sở chính đặt tại thành phố Hamburg-CHLB Đức. Số thành viên của Tòa gồm 21 thành viên, được tuyển chọn trong số các nhân vật nổi tiếng nhất về số công bằng và liêm khiết, có năng lực nổi bật trong lĩnh vực luật biển.

Vị trí của chọn thành phần của Tòa được tiến hành trên các nguyên tắc:

- Thành phần của Tòa phải bao gồm có số đời của các hệ thống pháp lý chủ yếu của thế giới và một số phân chia công bằng về mặt địa lý;

- Mọi quốc gia thành viên có quyền chủ định nhiều nhất là hai người. Các thành viên của Tòa sẽ được tuyển lựa trên danh sách đề cử, tuy nhiên trong thành phần của Tòa không thể có quá một công dân của cùng một quốc gia;

- Các thành viên của Tòa được bầu bằng bỏ phiếu kín, người trúng cử là những ứng cử viên đạt được số phiếu bầu cao nhất và phải được 2/3 số quốc gia thành viên có mặt và bỏ phiếu.

Nhiệm kỳ của các thành viên là 9 năm và họ đều có quyền tái cử, 1 cuộc bầu cử đầu tiên 7 người sẽ miễn nhiệm sau 3 năm, 7 người sẽ miễn nhiệm sau 6 năm và họ được chủ định qua rút thăm do Tổng thư ký Liên hợp quốc thực hiện ngay sau cuộc bầu cử đầu tiên.

Theo nguyên tắc được lập xét xử của thẩm phán thì một thành viên của Tòa không được đảm nhiệm bất kỳ chức vụ chính trị hay hành chính nào, cũng không được chủ động tham gia hay có liên quan về tài chính trong bất cứ một hoạt động nào của một xí nghiệp đang tiến hành thăm dò hoặc khai thác các tài nguyên biển hay đáy biển hoặc việc sử dụng biển, đáy biển vào mục đích thương mại khác. Thành viên của Tòa cũng không được làm những nhiệm vụ như đời của, cựu quân hay luật sư trong bất kỳ một vụ kiện nào. Một tòa được coi là hợp lệ khi có đủ ít nhất 11 thành viên được bầu người xử án.

Nhóm giới quyết nhanh các vụ kiện mới năm Tòa án lập ra một viện giám nom thành viên được bầu để xét xử theo thủ tục rút gọn (Viện). Trong những trường hợp, nếu thấy cần thiết Tòa có thể lập ra Viện giám ít nhất 3 thành viên được bầu để xét xử một loạt vụ kiện nhất định. Các phán quyết của các Tòa rút gọn đều được coi như phán quyết của Tòa án quốc tế và Luật

biên, chúng đều có tính chất chung thm và tất cả các bên trong vụ tranh chấp đều phải chấp hành.

Trong thành phần của Tòa án quốc tế và Luật biên còn có Viện giới quyết các vụ tranh chấp liên quan đến đáy biển, được quy định tại điều 14, Phụ lục VI, Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển. Viện giám 11 thành viên do Tòa lựa chọn trong số 21 thành viên đã được bầu của Tòa. Thành viên của Viện được lựa chọn theo nguyên tắc đại diện cho các hệ thống pháp luật chủ yếu của thế giới và phân chia công bằng về địa lý [\[12\]](#).

Thm quyên Tòa trưng tài được đề nghị cho tất cả các quốc gia thành viên cũng như cho các thực thể không phải là quốc gia thành viên trong tất cả các trường hợp liên quan đến việc quản lý và khai thác Vùng-di sản chung của loài người-hay cho mọi tranh chấp được đưa ra theo mọi tho thuận khác, giao cho Tòa một thm quyên được tất cả các bên trong vụ tranh chấp chấp nhận... Theo quy định tại điều 21 Quy chế của Tòa án quốc tế và Luật biển, Tòa có thm quyên:

“Tòa án có thm quyên đại diện tất cả các vụ tranh chấp và tất cả các yêu cầu được đưa ra tòa theo đúng Công ước, và đại diện tất cả các trường hợp được trừ đnh trong mọi tho thuận khác, giao thm quyên cho Tòa”.

Từ khi thành lập (1/8/1996) đến nay, Tòa án Luật Biên đã thụ lý 13 vụ kiện, vụ đầu tiên có tên là Monte Confurco do Seychelles kiện Pháp, vụ gần đây là vụ Juno Trade do Saint Vincent and Grenadines kiện Guinea-Bissau. Ở khu vực Đông Nam Á, đã có một vụ kiện được đưa ra Tòa, đó là vụ kiện về tính pháp lý của những đường biên của Singapo, giữa Singapo kiện Malaysia [\[13\]](#).

3. *Toà trọng tài được thành lập theo đúng Phê Ước VII của Công Ước Luật Biên*

Toà trọng tài được thành lập và hoạt động theo đúng Phê Ước VII của Công Ước luật biên, là cơ quan tài phán quốc tế.

Theo quy định tại điều 1 Phê Ước VII (Trọng tài):

“Vụ kiện kiện phải tuân thủ Phận XV, bất kể bên nào trong một vụ tranh chấp đều có thể đưa vụ tranh chấp ra giải quyết bằng thủ tục trọng tài đã trừu định trong phê Ước này bằng một thông báo viết gửi tới bên kia hoặc các bên kia trong vụ tranh chấp. Thông báo có kèm theo bản trình bày các yêu sách và các lý do làm căn cứ cho các yêu sách đó”.

Toà trọng tài thực hiện các chức năng của mình theo đúng pho lục VII và các quy định khác của Công ước trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan tới luật biển. Bản án của Toà trọng tài có tính tối hậu và không được kháng cáo, trừ khi các bên trong vụ tranh chấp đã có thoả thuận trước và một thủ tục kháng cáo. Tất cả các bên trong vụ tranh chấp khi được Toà trọng tài giải quyết về việc bình bản án thì đều phải tuân theo.

4. Toà trọng tài đặc biệt

Toà trọng tài đặc biệt được quy định tại Pho lục VIII của Công ước luật biển 1982. Toà trọng tài đặc biệt được lập ra với nhiệm vụ giải quyết các tranh chấp trong từng lĩnh vực riêng biệt liên quan đến việc giải thích hay áp dụng các điều khoản của công ước Luật biển liên quan đến: việc đánh bắt hải sản; việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển; việc nghiên cứu khoa học biển hoặc hàng hải, kể cả nhiệm vụ các tàu thuyền hay do nhện chìm...

Toà trọng tài đặc biệt này có sự đóng góp đáng kể của các tổ chức quốc tế có thẩm quyền chuyên môn trong từng lĩnh vực, như Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Tổ chức Lương thực và nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO), Chương trình của Liên hợp quốc về môi trường (UNEP)... Khi có tranh chấp phát sinh, dựa trên danh sách các chuyên viên đã được lập, một hội đồng trọng tài đặc biệt sẽ được thành lập, gồm 05 thành viên. Mỗi bên tranh chấp có quyền lựa chọn hai chuyên viên tham gia

hội đồng trọng tài. Chức năng hội đồng trọng tài do các bên thoả thuận công ra.

Các tranh chấp quốc tế nói chung và tranh chấp biên nói riêng được giải quyết bằng nhiều biện pháp khác nhau và một trong số các biện pháp đó là việc sử dụng hình thức tài phán quốc tế. Tài phán quốc tế là cách thức hoà bình để giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng các phương pháp, thủ tục pháp lý, do chính các quốc gia tự lựa chọn.

PGS. TS. Nguyễn Bá Diên, Giám đốc Trung tâm Luật biên và Hàng hải Quốc tế, Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội

[1] Vị trí chính lược vùng đất biên và luật biên ở khu vực châu Á Thái Bình Dương, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội năm 1998, Tr227

[2] Điều 6, Phụ lục V Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biên 1982, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 1999

[3] Việc hoạch định ranh giới lãnh hải giữa các quốc gia có bờ biển kề nhau hoặc đối diện nhau.

[4] Hoạch định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế giữa các quốc gia có bờ biển tiếp

liên hay đổi diện nhau.

[5] Hoạch định ranh giới thềm lục địa giữa các quốc gia có biển tiếp liền hay đổi diện nhau.

[6] Vị trí chính lược vùng biển và luật biển ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Viện Thông Tin khoa học xã hội, Hà Nội năm 1998, Tr235

[7] Điều 283 Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển 1982, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 1999.

[8] Tòa án Công lý quốc tế, TS Nguyễn Hồng Thao, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2000, Tr 34.

[9] Tòa án Công lý quốc tế, TS Nguyễn Hồng Thao, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2000, Tr50

[10] Tòa án Công lý quốc tế, TS Nguyễn Hồng Thao, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2000, Tr63

[\[11\]](#) Tòa án Công lý quốc tế, TS Nguyễn Hồng Thao, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2000, Tr102

[\[12\]](#) Tòa án Công lý quốc tế, TS Nguyễn Hồng Thao, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2000, Tr87.

[\[13\]](#) Tòa án Công lý quốc tế, TS Nguyễn Hồng Thao, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2000, Tr96